

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2019

V/v: Ly hôn giữa chị Hoa, anh Q

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Hoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lự- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn, con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q sinh năm 1979 (có mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Chỉ Tác, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019 và trong các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Q năm 1996, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, cưới xong chị và anh Q về chung sống với nhau ở thôn Chỉ Tác, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam. Đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy

ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm, không quan tâm gì đến nhau, có lần anh Q đã chặt phá cây cối, đốt quần áo của chị, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 02/2019, vợ chồng chị cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 02/2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, Phạm Thị Y sinh ngày 01/2/1998, Phạm Ngọc C sinh ngày 22/7/2002. Hiện các cháu đang ở với chị và anh Q, các cháu phát triển bình thường, nay ly hôn cháu Y đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu C chị đề nghị trực tiếp nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày trong các bản tự khai và tại phiên tòa: Anh và chị H kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong vợ chồng anh về chung sống ở tại thôn Ấi, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn được khoảng 2 năm sau đó về thôn Chỉ Tác, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam sinh sống cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh nghi ngờ chị H có quan hệ với người khác nên anh nói nhiều, chị H đã làm đơn xin ly hôn. Ngoài ra giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì khác, vợ chồng vẫn chung sống một nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, Phạm Thị Y sinh ngày 01/2/1998, Phạm Ngọc C sinh ngày 22/7/2002. Hiện các cháu đang ở với anh và chị H, các cháu phát triển bình thường, nay ly hôn cháu Y đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu C anh đề nghị trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý k:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh Q chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX xét xử vụ án và căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q.

Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi Phạm Ngọc C sinh ngày 22/7/2002. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, chị H không được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của KSV, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật cho chị Hoa và anh Q, tại phiên tòa chị Hoa có mặt, anh Q vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung:* Chị Nguyễn Thị Hoa kết hôn với anh Phạm Văn Q năm 1996 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong chị H về chung sống với anh Q ngay và hòa thuận đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không bảo vệ nhau, việc của ai người đó làm, vợ chồng sống không có hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 02/2019, giữa chị H và anh Q đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 02/2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q là có căn cứ, nên cần cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung, Phạm Thị Y sinh ngày 01/2/1998, Phạm Ngọc C sinh ngày 22/7/2002. Hiện các cháu đang ở với chị H và anh Q, các cháu phát triển bình thường, nay ly hôn cháu Yến đã trưởng thành chị H và anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Ch cả chị Hoa và anh Q đều có yêu cầu được tiếp nuôi. Xét thấy yêu cầu của các đương sự là chính đáng, hiện chị Hoa có công việc, thu nhập hàng tháng ổn định, còn anh Q không có công việc ổn định, để đảm bảo phát triển tốt cho cháu Ch nay cần giao cho chị Hoa trực tiếp nuôi cháu Ch, hơn nữa cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ch xin được ở với chị Hoa. Do chị Hoa không yêu cầu anh Q cấp dưỡng

nuôi con, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, chị Hoa không được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ*: Chị H, anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H thuộc hộ nghèo nên chị H không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. *Về nuôi con chung*: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi Phạm Ngọc Ch sinh ngày 22/7/2002. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Q được quyền thăm nom con chung, chị Hoa không được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Huyền Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toàn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

T hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Hóa Trưởng, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Dung, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Văn Hóa Trưởng và chị Lưu Thị Dung

2. *Về án phí*: Anh Trưởng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân Chung

Tạ Thị Thu Thủy